BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	66.01.02	Toán	32.000	Nhất	11	
2	66.01.05	Toán	18.000	K.Khích	11	
3	66.01.08	Toán	27.500	Nhì	12	
4	66.01.10	Toán	22.500	Nhì	11	
5	66.01.04	Toán	28.000	Nhất	11	
6	66.01.03	Toán	19.000	Ba	11	
7	66.01.09	Toán	21.000	Ba	12	
8	66.01.07	Toán	25.000	Nhì	12	
9	66.01.01	Toán	17.000	K.Khích	12	
10	66.01.06	Toán	20.500	Ba	12	
11	66.02.04	Vật lí	31.750	Nhất	12	
12	66.02.02	Vật lí	18.250	K.Khích	12	
13	66.02.08	Vật lí	15.000	K.Khích	12	
14	66.02.09	Vật lí	24.250	Ba	11	
15	66.02.06	Vật lí	20.750	Ba	11	
16	66.02.10	Vật lí	18.250	K.Khích	11	
17	66.02.01	Vật lí	14.750	K.Khích	11	
18	66.02.03	Vật lí	19.500	Ba	11	
19	66.02.05	Vật lí	14.250	K.Khích	12	
20	66.03.01	Hoá học	22.000	Nhì	12	
21	66.03.06	Hoá học	22.500	Nhì	12	
22	66.03.04	Hoá học	17.000	Ba	12	
23	66.03.03	Hoá học	20.250	Ba	12	
24	66.03.08	Hoá học	15.125	K.Khích	11	
25	66.03.09	Hoá học	13.875	K.Khích	11	
26	66.03.02	Hoá học	19.250	Ba	11	
27	66.03.07	Hoá học	15.000	K.Khích	11	
28	66.03.05	Hoá học	16.250	Ba	11	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	66.04.09	Sinh học	20.750	Ba	12	
30	66.04.02	Sinh học	20.000	Ba	12	
31	66.04.05	Sinh học	16.750	K.Khích	11	
32	66.04.08	Sinh học	24.000	Nhì	12	
33	66.04.06	Sinh học	23.750	Nhì	12	
34	66.04.10	Sinh học	17.500	K.Khích	12	
35	66.05.08	Tin học	7.800	K.Khích	11	
36	66.05.03	Tin học	19.050	Nhất	12	
37	66.05.06	Tin học	11.710	Ba	12	
38	66.05.04	Tin học	13.570	Nhì	11	
39	66.05.02	Tin học	9.190	K.Khích	11	
40	66.05.05	Tin học	13.325	Ba	12	
41	66.05.09	Tin học	11.875	Ba	12	
42	66.05.10	Tin học	12.835	Ba	11	
43	66.06.01	Ngữ văn	13.000	Ba	11	
44	66.06.02	Ngữ văn	13.000	Ba	11	
45	66.06.03	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	
46	66.06.05	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	
47	66.06.07	Ngữ văn	14.750	Nhất	12	
48	66.06.09	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	
49	66.06.10	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	
50	66.06.04	Ngữ văn	14.000	Nhì	11	
51	66.07.09	Lịch sử	13.000	K.Khích	11	
52	66.07.06	Lịch sử	14.000	K.Khích	12	
53	66.07.01	Lịch sử	13.500	K.Khích	12	
54	66.08.04	Địa lí	14.500	Ba	12	
55	66.08.06	Địa lí	13.250	K.Khích	12	
56	66.08.07	Địa lí	14.000	Ba	12	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	66.08.08	Địa lí	12.750	K.Khích	11	

Danh sách này gồm 57 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	66.09.01	Tiếng Anh	3.80	3.80	6.70	1.4	15.700	Nhất	
2	66.09.10	Tiếng Anh	3.40	4	6.30	1.2	14.900	Nhì	
3	66.09.08	Tiếng Anh	3.40	4.40	6.90	1.3	16.000	Nhất	
4	66.09.09	Tiếng Anh	3.30	3.70	5.90	1.1	14.000	Ba	
5	66.09.07	Tiếng Anh	3.80	4.40	6	1.5	15.700	Nhất	
6	66.09.04	Tiếng Anh	3.40	3.40	6.10	1.5	14.400	Ba	
7	66.09.02	Tiếng Anh	3.70	3.80	6.10	1.3	14.900	Nhì	
8	66.09.06	Tiếng Anh	3.30	3.40	5.90	1.2	13.800	K.Khích	
9	66.09.03	Tiếng Anh	3	3.80	5.80	1.4	14.000	Ba	
10	66.09.05	Tiếng Anh	3.30	3.90	5.20	1.4	13.800	K.Khích	
11	66.13.04	Tiếng Nhật	4	3.80	5.90	1.1	14.800	Ba	
12	66.13.02	Tiếng Nhật	4	3.20	5	0.9	13.100	K.Khích	

Danh sách này gồm 12 thí sinh